

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC LOẠI MA TÚY TỔNG HỢP TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, NĂM 2014

Phạm Thị Đào*, Trần Thanh Thủy, Lê Thành Chung, Lê Quang Minh
Trung tâm phòng chống HIV/AIDS thành phố Đà Nẵng

TÓM TẮT

Nghiên cứu điều tra mô tả cắt ngang được thực hiện trên 293 đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp tại thành phố Đà Nẵng năm 2014 nhằm khảo sát hiểu biết, thái độ và thực trạng sử dụng ma túy tổng hợp của nhóm đối tượng này. Kết quả cho thấy phần lớn số đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp tại Đà Nẵng là nam giới, có tuổi trung bình là $28,9 \pm 6,3$ tuổi; 56,3% có trình độ học vấn từ phổ thông trung học trở lên, 91,5% hiện tại đang sống với gia đình/người thân và thu nhập trung bình hàng tháng để chi tiêu cho cá nhân là 3.942.000 đồng. Chỉ có 16,7-57% đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp hiểu biết đúng về những tác động tâm sinh lý của các loại ma túy tổng hợp, 11,9-44,7% có hiểu biết về tác hại của ma túy tổng hợp và có đến 1/3 đối tượng cho rằng không cần phải cai nghiện đối với ma túy tổng hợp. Ma túy đá (89,8%) và thuốc lắc (77,6%) là 2 loại ma túy tổng hợp được báo cáo sử dụng nhiều nhất, với tần suất sử dụng chủ yếu ở mức một vài lần trong 3 tháng (43,5-62,4%). Đa số các loại ma túy tổng hợp được báo cáo sử dụng đơn độc (31,9-70,3%), tuy nhiên rượu (48,5%) thường được sử dụng cùng với thuốc lắc và có khoảng 12,9%-31,35% các loại ma túy tổng hợp được dùng chung với heroin. Có sự khác biệt giữa các loại ma túy tổng hợp về cách thức sử dụng, địa điểm sử dụng và hành vi sau khi sử dụng.

Từ khoá: Ma túy tổng hợp, kiến thức, thái độ, hành vi, sử dụng ma túy, Đà Nẵng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, trong khi heroin vẫn là loại ma túy bị lạm dụng chủ yếu thì tình hình sử dụng ma túy tổng hợp đang có xu hướng tăng nhanh, nhất là ở các đô thị lớn. Có khoảng 10% trong số 180.000 người nghiện ma túy tại Việt Nam sử dụng ma túy tổng hợp (đứng thứ hai chỉ sau số người nghiện heroin), trong đó thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai địa phương có số trường hợp sử dụng ma túy tổng hợp cao nhất, với tỷ lệ 50-75% ở tất cả các nhóm nguy cơ cao [1, 2]. Trong xu hướng chung của khu vực và quốc gia, báo cáo sử dụng ma túy tổng hợp (MTTH) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã được ghi nhận và có chiều hướng gia tăng trong những năm gần đây, với tỷ lệ đối tượng sử dụng MTTH trong tổng số người nghiện ma túy được phát hiện và quản lý ở thành phố tăng từ 20% năm 2010 lên 80% năm 2013 [3, 4].

Xu hướng gia tăng sử dụng MTTH đang là mối quan ngại về sức khỏe cộng đồng, đặc biệt liên quan đến các vấn đề sức khỏe tâm thần và một số bệnh lây nhiễm qua đường máu và đường tình dục. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã báo cáo về hậu quả của việc sử dụng MTTH dạng amphetamin có liên quan trực tiếp tới lây nhiễm HIV và các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục thông qua hành vi quan hệ tình dục không an toàn như không sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục, quan hệ tình dục với nhiều người và kéo dài thời gian quan hệ. Ngoài ra, sử dụng MTTH đường tiêm chích cũng có nguy cơ lây nhiễm HIV và các bệnh lây truyền qua đường máu [1, 3, 5, 6]. Tuy vậy, ở Việt Nam chỉ có các thông tin rất hạn chế về việc sử dụng MTTH trong những nhóm quần thể đặc thù và hầu như chưa có các số liệu về đặc điểm sử dụng MTTH cũng như những vấn đề sức khỏe liên quan trong cộng đồng nói chung [7, 8].

*Tác giả: Phạm Thị Đào

Địa chỉ: TT phòng chống HIV/AIDS thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0983128355

Email: daoaid@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/06/2015

Ngày phản biện: 09/10/2015

Ngày đăng bài: 10/11/2015

Nhằm mục đích tìm hiểu những đặc điểm về hiểu biết, thái độ và thực trạng sử dụng các loại MTTH trong nhóm đối tượng sử dụng MTTH trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, qua đó có các giải pháp thích hợp trong việc hạn chế sử dụng MTTH cũng như giảm thiểu những nguy cơ sức khỏe do sử dụng MTTH, nhóm nghiên cứu Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS thành phố Đà Nẵng tiến hành khảo sát: Hiểu biết, thái độ và đặc điểm hành vi sử dụng ma túy tổng hợp trong nhóm người sử dụng ma túy tổng hợp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2014 với mục tiêu mô tả đặc điểm đối tượng sử dụng MTTH trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và mô tả hiểu biết, thái độ và thực trạng sử dụng các loại MTTH trong nhóm đối tượng nghiên cứu.

Khảo sát này sử dụng số liệu của nghiên cứu tổng thể về tình hình sử dụng MTTH và hiểu biết, thái độ, hành vi lây nhiễm HIV trong nhóm người sử dụng ATS tại Đà Nẵng, do Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS thành phố Đà Nẵng tiến hành năm 2014-2015, với sự tài trợ một phần kinh phí từ Viện nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, trường Đại học Y Dược Huế,

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Nhóm đối tượng nghiên cứu tuổi từ 16 đến 49 trong thời gian từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2014, có sử dụng MTTH trong vòng 3 tháng qua và sinh sống trên địa bàn 6 quận nội thành của thành phố Đà Nẵng (gồm Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn và Cẩm Lệ).

2.2 Thiết kế nghiên cứu

Là nghiên cứu điều tra mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu nghiên cứu: Được xác định theo công thức:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{e^2}$$

Trong đó:

P = 76,6% (P là tỷ lệ hiểu biết đúng về lây

nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy tại thành phố Đà Nẵng từ nghiên cứu của Phạm Thị Đào năm 2009 [5, 9])

$Z^2_{(1-\alpha/2)} = 1,96$ tương ứng với khoảng tin cậy 95 % ; e = 0,05

Số mẫu cần thu thập là 300. Trong nghiên cứu này, số mẫu thu thập được là 293 mẫu.

Chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát (RDS) được sử dụng, với các hạt giống ban đầu được lựa chọn là những người đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng tham gia nghiên cứu và tự nguyện giới thiệu đối tượng khác tham gia nghiên cứu. Sau khi kết thúc phỏng vấn, các hạt giống tham gia ban đầu được phát 3 phiếu giới thiệu để họ tiếp tục chọn lựa và giới thiệu những người sử dụng MTTH trong mạng lưới mà họ biết tham gia nghiên cứu. Quy trình này sẽ tiếp tục cho đến khi đạt được cỡ mẫu trong thời gian thu thập mẫu.

Nghiên cứu phát triển bộ câu hỏi cấu trúc, có tham khảo bộ câu hỏi sử dụng trong nghiên cứu của UNODC về các chất kích thích dạng Amphetamine tại Việt Nam [7, 8]. Cấu trúc và nội dung bộ câu hỏi được điều chỉnh phù hợp với mục đích, nội dung nghiên cứu và tiếp tục được hoàn chỉnh sau khi thử nghiệm tại thực địa với các đối tượng nghiên cứu. Các phỏng vấn viên sẽ trực tiếp phỏng vấn đối tượng nghiên cứu và điền thông tin trung thực vào Bộ câu hỏi.

Nghiên cứu khảo sát mức độ hiểu biết về các đặc điểm và ảnh hưởng tâm sinh lý của sử dụng MTTH; thái độ cá nhân về sử dụng MTTH; sự cần thiết phòng tránh; và thực hành sử dụng MTTH trong nhóm đối tượng nghiên cứu. Có 4 loại MTTH được khảo sát trong nghiên cứu này là hồng phiến, thuốc lắc, hàng đá và ketamin. Những tác động đến tâm sinh lý do sử dụng từng loại MTTH được khảo sát dựa trên tham khảo bộ câu hỏi trong nghiên cứu của UNODC [7, 8]. Hiểu biết tốt hoặc không tốt về ảnh hưởng tâm sinh lý và tác hại của sử dụng MTTH được đánh giá dựa trên việc đối tượng trả lời đúng được 4 trong số 5 hoặc 6 đặc điểm chính của từng loại MTTH nghiên cứu. Tương

tự, thái độ đúng hoặc không đúng liên quan đến MTTH được đánh giá trên thang đo 2 mức độ có và không có tác hại/ ảnh hưởng.

2.3 Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập bằng phần mềm EPIDATA 3.1 Sau đó được làm sạch, xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 17.0, có sử dụng các thuật toán thống kê ứng dụng trong y học.

2.4 Vấn đề y đức của nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được thông báo về mục đích, đặc điểm của nghiên cứu và những

lợi ích của bản thân khi tham gia nghiên cứu. Các đối tượng tham gia nghiên cứu có kết quả xét nghiệm nhiễm HIV, viêm gan C và giang mai dương tính sẽ được tư vấn và giới thiệu chuyển tiếp dịch vụ phù hợp. Không lựa chọn những đối tượng không có phiếu giới thiệu tham gia nghiên cứu và không hợp tác để trả lời phỏng vấn.

III. KẾT QUẢ

3.1 Đặc điểm của người sử dụng ma túy tổng hợp tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của nhóm người sử dụng ma túy tổng hợp (n=293)

	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi	Trung bình	28,9 ± 6,3	
	Min	16	
	Max	49	
Nhóm tuổi	Dưới 20 tuổi	13	4,4
	Từ 20 – 29 tuổi	151	51,5
	Từ 30 – 39 tuổi	108	36,9
	Từ 40 – 49 tuổi	21	7,2
Giới	Nam	269	91,8
	Nữ	24	8,2
Hiện đang sống tại	Hải Châu	73	24,9
	Thanh Khê	109	37,2
	Liên Chiểu	60	20,5
	Ngũ Hành Sơn	9	3,1
	Cẩm Lệ	18	6,1
	Sơn Trà	24	8,2
Tôn giáo	Có	88	30
	Không	205	70
Hiện tại đang sống với	Một mình	16	5,5
	Cùng với gia đình/người thân	268	91,5
	Cùng bạn tình	5	1,7
	Cùng với bạn bè	4	1,4
Người thường tâm sự khi bản thân gặp những vấn đề khó khăn trong cuộc sống	Gia đình, người thân	156	53,2
	Bạn bè	29	9,9
	Bạn tình	11	3,8
	Chồng/vợ	71	24,2
	Khác	26	8,9

Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	126	43,0
	Đã kết hôn	131	44,7
	Đã ly hôn	23	7,8
	Ly thân	12	4,1
	Goá vợ/chồng	1	0,3
Trình độ học vấn	Mù chữ	4	1,4
	Tiểu học	23	7,8
	Trung học cơ sở	101	34,5
	Phổ thông trung học	130	44,4
	Cao đẳng, Đại học và sau đại học	35	11,9
Nghề nghiệp hiện tại	Không đi làm/thất nghiệp	85	29,0
	Làm việc tại cơ quan nhà nước	2	0,7
	Làm việc tại cơ quan tư nhân	36	12,3
	Làm việc tự do, không ổn định	144	49,1
	Đang đi học	4	1,4
	Khác	22	7,5
Nguồn thu nhập cá nhân trong 12 tháng qua	Không có	18	6,1
	Lương	62	21,2
	Phụ cấp xã hội	0	0,0
	Gia đình, người thân hỗ trợ	84	28,7
	Thu nhập không cố định	125	42,7
	Khác	4	1,4
Trong 12 tháng qua, thu nhập trung bình hàng tháng từ TẤT CẢ các nguồn có được để chi tiêu cho bản thân (N=275)	< 1 triệu đồng	8	2,9
	1.000.000đ - < 2 triệu	31	11,3
	2.000.000đ - < 4,5 triệu	158	57,5
	4.500.000đ trở lên	78	28,4
	min: 500.000đ; max: 50.000.000đ; mean: 3.942.182 đ ± 53.441 median: 3.000.000 đ		
Tần suất đến sàn nhảy/quán bar trong vòng 3 tháng qua	Một vài lần/tuần	8	2,7
	Một lần/tuần	7	2,4
	Một vài lần/tháng	11	3,8
	Một vài lần trong 3 tháng qua	119	40,6
	Không đến trong 3 tháng qua	148	50,5

Số liệu nêu trong Bảng 1 cho thấy: Đối tượng nghiên cứu là nam giới chiếm ưu thế, 91,8%; có tuổi trung bình là $28,9 \pm 6,3$ tuổi, trong đó nhóm tuổi 20-29 chiếm tỷ lệ cao nhất (51,5%) và nhóm dưới 20 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (4,4%). Trình độ học vấn phổ thông trung học chiếm tỷ lệ cao nhất (44,4%), trung học cơ sở chiếm 34,5% và có đến 11,9% có trình độ cao đẳng, đại học. Các đối tượng tham gia nghiên cứu tập trung chủ yếu ở các quận trung tâm của thành phố như quận Thanh Khê (37,2%), Hải

Châu (24,9%), Liên Chiểu (20,5%).

Tỷ lệ đối tượng tham gia nghiên cứu báo cáo đã kết hôn là 44,7%, tương đương với tỷ lệ chưa kết hôn (43,0%), trong khi đó tình trạng ly hôn, ly thân, goá chiếm tỷ lệ khá thấp (12,2%). Có đến 91,5% hiện tại đang sống với gia đình/người thân và không có đối tượng nào sống lang thang. Vợ/chồng (24,2%) và gia đình, người thân (53,2%) thường là nơi mà đối tượng tâm sự khi bản thân gặp những vấn đề khó khăn

trong cuộc sống.

Các đối tượng nghiên cứu báo cáo làm việc ở nhiều ngành nghề khác nhau nhưng chiếm tỷ lệ cao nhất là hành nghề tự do, không ổn định (49,1%) và không đi làm/thất nghiệp (29,0%). Có 1,4% đối tượng nghiên cứu là học sinh, sinh viên. Phần lớn các đối tượng trả lời phỏng vấn đều có thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau trong 12 tháng qua (93,9%), trong đó thu nhập trung bình hàng tháng để chi tiêu cho cá nhân là 3.942.000 đồng và 85,9% báo cáo có mức thu nhập từ 2 triệu đồng trở lên. Nguồn thu nhập

này phần lớn là không cố định (42,7%) và do gia đình, người thân hỗ trợ (28,7%). Không có đối tượng nào báo cáo được nhận trợ cấp/phụ cấp xã hội.

Có 49,5% đối tượng tham gia nghiên cứu báo cáo đến sàn nhảy/quán bar trong vòng 3 tháng qua và tần suất chủ yếu là một vài lần trong 3 tháng (chiếm 40,6%).

3.2 Hiểu biết, thái độ và thực trạng sử dụng các loại ma túy tổng hợp của nhóm người sử dụng ma túy tổng hợp

Bảng 2. Hiểu biết đúng về các loại ma túy tổng hợp của người sử dụng ma túy tổng hợp (N=293)

Nội dung	Hồng phiến		Thuốc lắc		Hàng đá		Ketamin	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Đã từng nghe nói về loại MTTH này	171	58,4	260	88,7	281	95,9	136	46,4
Nghe nói về MTTH từ các nguồn thông tin:	N=171		N=260		N=281		N=136	
Pano/áp phích/ tờ rơi	4	2,3	6	2,3	8	2,8	3	2,2
Phương tiện truyền thông	36	21,1	50	19,2	52	18,5	26	19,1
Từ bạn bè	163	95,3	251	96,5	271	96,4	132	97,1
Hiểu biết đúng về các tác động tâm, sinh lý do sử dụng các loại MTTH	49	16,7	107	36,5	167	57,0	51	17,4
Hiểu biết đúng về nguy cơ và tác hại do sử dụng các loại MTTH	35	11,9	111	37,9	131	44,7	40	13,7

Hiểu biết và thái độ của đối tượng nghiên cứu về 4 loại MTTH dạng kích thần phổ biến trên thị trường Việt Nam là hồng phiến, thuốc lắc, hàng đá và ketamin được trình bày tại Bảng 2. Theo đó, đối tượng nghiên cứu chủ yếu biết về dạng ma túy đá (95,9%) và thuốc lắc (88,7%), với

95% nguồn thông tin có được từ bạn bè. Hiểu biết đúng về những đặc điểm và tác động tâm sinh lý cũng như những tác hại do sử dụng 2 loại MTTH này rất hạn chế, dao động từ 36,5% đến 57%. Trong khi đó, hiểu biết đúng về hồng phiến và ketamin thì rất thấp, dưới 20%.

Bảng 3. Thái độ của người sử dụng ma túy tổng hợp liên quan đến việc sử dụng các loại ma túy (N=293)

Nội dung	Hồng phiến		Thuốc lắc		Hàng đá		Ketamin	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Sử dụng MTTH có hại cho bản thân và gia đình	137	46,7	240	81,9	266	90,8	125	42,7
Sử dụng MTTH có thể bị nghiện	97	33,1	181	61,8	225	76,8	98	33,4
Mang MTTH trong người là vi phạm pháp luật	163	55,6	253	86,3	274	95,5	132	45
Sử dụng MTTH sẽ bị bắt	162	55,3	252	86	274	93,5	133	45,4

Quan điểm và thái độ của đối tượng nghiên cứu về việc sử dụng MTTH được mô tả tại Bảng 3. Trong đó, phần lớn đối tượng ý thức được những rắc rối về mặt pháp lý khi có MTTH trong người cũng như sử dụng MTTH và tác hại của sử dụng MTTH đối với bản thân và gia đình, tỷ lệ này dao động từ 42,7% đến 95,5% tùy từng loại

MTTH. Tuy nhiên, quan điểm cho rằng sử dụng MTTH có thể bị nghiện được ghi nhận với tỷ lệ thấp hơn, 33% đối với hồng phiến và ketamin, 61,8% đối với thuốc lắc và 76,8% đối với hàng đá. Tỷ lệ báo cáo quan điểm, thái độ đúng về MTTH đối với ma túy đá và thuốc lắc cao hơn so với hồng phiến và ketamin.

Bảng 4. Thái độ về sự cần thiết phải cai nghiện ma túy tổng hợp của người sử dụng ma túy tổng hợp

Thái độ bản thân về việc sử dụng MTTH		Hồng phiến		Hồng phiến		Hàng đá		Ketamin	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
N		171		260		281		136	
Cần thiết phải cai nghiện MTTH không	Không phải cai nghiện	55	32,2	90	34,6	67	23,8	39	28,7
	Không biết	25	14,6	13	5,0	4	1,4	21	15,4
	Phải cai nghiện	91	53,2	157	60,4	210	74,7	76	55,9
N		55		90		67		39	
Lý do không cần cai nghiện	Không bị nghiện	31	56,4	48	53,3	38	56,7	22	56,4
	Không cần	22	40,0	31	34,4	21	31,3	14	35,9
	Không muốn người khác biết	2	3,6	11	12,2	8	11,9	3	7,7

Trong số các đối tượng tham gia nghiên cứu có nghe nói về MTTH thì tỷ lệ cho rằng không cần thiết phải cai nghiện MTTH chiếm tỷ lệ lần lượt là 23,8%; 28,7%; 32,2% và 34,6% đối với hàng đá, ketamin, hồng phiến và thuốc lắc

(Bảng 4). Lý do các đối tượng đưa ra chủ yếu là do bản thân không bị nghiện (dao động 53,3% - 56,7%); không cần phải cai nghiện (31,3% - 40,0%) và không muốn người khác biết chiếm tỷ lệ thấp nhất (3,6% - 12,2%).

Bảng 5. Hành vi sử dụng các loại ma túy của người sử dụng ma túy tổng hợp (N=293)

Đặc điểm hành vi	Hồng phiến		Thuốc lắc		Hàng đá		Ketamin	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Báo cáo sử dụng MTTH	67	22,9	204	77,6	263	89,8	62	21,2
Tuổi trung bình sử dụng lần đầu	22,3 ± 4,7		22,2±4,9		25,4±6,4		23,2±4,5	
Lý do sử dụng MTTH	n = 67		n =204		n = 263		n =62	
Tò mò	41	61,2	128	62,7	157	59,7	34	54,8
Muốn có cảm giác phê	11	16,4	48	23,5	66	25,1	6	9,7
Bạn bè khuyến khích	43	64,2	145	71,1	187	71,1	43	69,4
Bạn tình khuyến khích	4	6,0	26	12,7	26	9,9	8	12,9
Người buôn bán ma túy khuyến khích	0	0	4	2,0	4	1,5	0	0,0
Sử dụng chung với các chất gây nghiện khác	n = 67		n =204		n = 263		n =62	
Rượu	8	11,9	99	48,5	31	11,8	11	17,7
Heroin	21	31,3	21	10,3	28	10,6	8	12,9
Cần sa/bù đã	1	1,5	7	3,4	15	5,7	0	0,0
Chất khác	5	7,5	13	6,4	7	2,7	5	8,1
Không sử dụng chung	32	47,8	65	31,9	185	70,3	38	61,3
Cách sử dụng MTTH	n = 67		n =204		n = 263		n =62	
Hút	35	52,2	1	0,5	253	96,2	15	24,2
Hít	10	14,9	1	0,5	9	3,4	45	72,6
Uống/nuốt	17	25,4	203	99,5	0	0,0	0	0,0
Tiêm chích	5	7,5	1	0,5	2	0,8	2	3,2
Tần suất sử dụng MTTH trong 3 tháng qua	n = 50		n = 169		n = 250		n = 49	
Một vài lần/tuần	5	7,5	14	6,9	35	13,3	6	9,7
Một lần/tuần	1	1,5	14	6,4	9	3,4	2	3,2
Một vài lần/tháng	7	10,4	41	19,6	49	18,6	10	16,1
Một vài lần trong 3 tháng qua	37	53,7	100	48,5	157	62,4	31	43,5
Nơi sử dụng MTTH trong 3 tháng qua	n = 50		n = 169		n = 250		n = 49	
Nhà riêng	19	38,0	25	14,8	121	48,4	18	36,7
Nhà bạn bè/bạn tình	12	24,0	20	11,8	115	46,0	19	38,8
Bar/vũ trường	15	30,0	143	84,6	15	6,0	13	26,5
Khách sạn/nhà nghỉ	18	36,0	28	16,6	145	58,0	15	30,6
Nhà hàng	1	2,0	7	4,1	12	4,8	2	4,1
Khác	10	20,0	0	0,0	2	0,8	2	4,1
Đối tượng sử dụng MTTH cùng trong 3 tháng qua	n = 50		n = 169		n = 250		n = 49	
Chỉ một mình	5	10,0	2	1,2	13	5,2	4	8,2
Với bạn bè	43	86,0	153	90,5	229	91,6	41	83,7
Với bạn tình	1	2,0	12	7,1	13	5,2	2	4,1
Với khách hàng	0	0,0	1	0,6	1	0,4	0	0,0
Hành vi sau khi sử dụng MTTH trong 3 tháng qua	n = 50		n = 169		n = 250		n = 49	

Tìm chỗ yên tĩnh	29	58,0	27	16,0	126	50,4	24	49,0
Đi nhảy/đi sàn/bar	14	28,0	116	68,6	28	11,2	13	26,5
Tham gia hoạt động mạnh	3	6,0	10	5,9	16	6,4	1	2,0
QHTD nhiều người	1	2,0	5	3,0	20	8,0	3	6,1
Khác	6	12,0	21	12,4	74	29,6	7	14,3

Hành vi sử dụng MTTH được mô tả trong Bảng 5 cho thấy: hàng đá (89,8%) và thuốc lắc (77,6%) là loại MTTH được báo cáo sử dụng nhiều nhất và lý do sử dụng ma túy chủ yếu do bạn bè khuyến khích (64,2-71,1%) và do tò mò (54,8-62,7%). Cách thức sử dụng các loại MTTH là khác nhau, trong khi ma túy đá (70,3%) và ketamin (61,3%) thường dùng riêng lẻ, thì thuốc lắc thường hay sử dụng cùng với rượu (48,5%) và hồng phiến sử dụng cùng với heroin (31,3%). Rượu là chất gây nghiện được báo cáo sử dụng phổ biến (dao động từ 10,6% đến 48,5%). Số liệu nêu trong Bảng 3 cũng cho thấy mỗi loại MTTH có những đường sử dụng đặc thù như thuốc lắc dùng đường uống/nuốt (99,5%), hàng

đá bằng đường hút (96,2%), ketamin dùng nhiều nhất bằng đường hít (72,6%) và hồng phiến có thể dùng bằng nhiều đường. Tần suất sử dụng MTTH chủ yếu ở mức một vài lần trong 3 tháng qua chiếm tỷ lệ cao nhất từ 43,5 % đến 62,4%. Báo cáo nơi sử dụng MTTH khác nhau ở mỗi loại MTTH, trong khi thuốc lắc sử dụng nhiều nhất ở quán bar/vũ trường (84,6%), thì có đến 58% báo cáo dùng hàng đá ở khách sạn, nhà nghỉ đối và bạn bè (83,7-91,6%) là đối tượng chủ yếu cùng sử dụng MTTH. Đối tượng sau khi sử dụng MTTH cũng có các hành vi khác nhau, trong khi thuốc lắc (68,6%) đi sàn nhảy hay quán bar thì sử dụng hồng phiến, hàng đá, ketamine lại tìm chỗ yên tĩnh (49-58%).

Bảng 6. Mối liên quan giữa hành vi sử dụng với hiểu biết về nguy cơ từng loại ma túy tổng hợp

Hành vi sử dụng MTTH		Tác hại/nguy cơ sử dụng MTTH (n/%)		OR (KTC 95%)	p
		Có	Không		
Hồng phiến	Có dùng	63 (92,9%)	4 (7,1%)	6,4(2,4 – 17,4)	p =0,000
	Không dùng	77 (67%)	27 (33%)		
Thuốc lắc	Có dùng	191 (93,3%)	13 (6,7%)	3,7(1,6 – 8,7)	p =0,000
	Không dùng	50 (78,8%)	6 (21,2%)		
Hàng đá	Có dùng	251 (95,3%)	12 (4,7%)	3,7(1,1 – 12,3)	p =0,001
	Không dùng	19 (84,6%)	4 (15,4%)		
Ketamin	Có dùng	60 (96,8%)	2 (3,2%)	7(2,5-49,2)	p =0,000
	Không dùng	61 (73,1%)	21 (26,9%)		

Phân tích tìm hiểu mối liên quan giữa hành vi sử dụng từng loại MTTH với hiểu biết của đối tượng về nguy cơ hoặc tác hại của từng loại MTTH (Bảng 6) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) giữa những người có sử dụng MTTH và có hiểu biết về nguy cơ khi sử dụng MTTH, trong đó người biết về nguy cơ/tác hại sử dụng hồng phiến lại sử dụng cao gấp 6,4 lần so với người không dùng; 3,7 lần đối với thuốc lắc, hàng đá và 7 lần đối với ketamine.

IV. BÀN LUẬN

4.1 Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu nêu tại Bảng 1 cho thấy độ tuổi trung bình của đối tượng sử dụng MTTH trong nghiên cứu này là 28,9 tuổi, có xu hướng lớn tuổi hơn nhóm đối tượng sử dụng MTTH tại Hà Nội (24 tuổi) cũng như các nhóm nguy cơ cao

có sử dụng MTTH như mại dâm (28 tuổi), nghiện ma túy (26 tuổi) và MSM (23 tuổi); nhưng lại tương đương với độ tuổi nhóm khách hàng đi bar, vũ trường (28,7 tuổi) trong nghiên cứu của UNODC tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng năm 2010 [7, 8].

Phần lớn đối tượng sử dụng MTTH trong nghiên cứu này là nam giới, chiếm 91,8%. Kết quả này cũng phù hợp về xu hướng giới nhưng vượt trội hơn về tỷ lệ so với báo cáo nghiên cứu của Vũ Thị Thu Nga và cộng sự về thực trạng sử dụng MTTH trong các đối tượng nguy cơ cao, với tỷ lệ sử dụng thuốc lắc và methamphetamin ở nam nhiều hơn nữ (80,42% so với 57,58% và 67,85% so với 55,45%) [8, 9]. Đặc điểm này cũng gặp trong báo cáo của UNODC [7, 8].

Có đến 82,6% đối tượng tham gia nghiên cứu báo cáo cư trú trên địa bàn 3 quận Hải Châu, Thanh Khê và Liên Chiểu, đây là 3 quận trung tâm của thành phố tập trung nhiều tụ điểm vui chơi giải trí (như Hải Châu và Thanh Khê) và người ngoại tỉnh (như Liên Chiểu). Đặc điểm này cũng phù hợp với việc sử dụng phổ biến MTTH vùng thành thị hơn nông thôn.

Tình trạng hôn nhân trong đối tượng nghiên cứu chủ yếu là đã kết hôn (44,7%) và độc thân (43%), tương tự như nhóm sử dụng MTTH ở Hà Nội, với 37% độc thân và 53% đã lập gia đình; và khác với phần lớn đối tượng nguy cơ cao có sử dụng MTTH và nghiện chích ma túy trước đây ở Đà Nẵng đều là độc thân [6 - 8, 10]; tỷ lệ độc thân trong nghiên cứu này tương tự với nhóm sử dụng MTTH ở Hải Phòng (43,47%) và thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh (61,02%) trong nghiên cứu của Quốc gia về Đánh giá hiệu quả chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh năm 2010 [11].

Báo cáo ở cùng với gia đình, người thân gặp ở 91,5% đối tượng nghiên cứu trong khi báo cáo ở với bạn tình, bạn bè chỉ là 3,1%. Ngoài ra, có đến 77,4% đối tượng nghiên cứu tâm sự với vợ/chồng hoặc gia đình, người thân khi gặp khó khăn. So sánh với nhóm sử dụng MTTH ở Hà Nội, với 88,7% báo cáo ở với gia đình và 6% báo cáo sống với bạn tình, bạn bè, cho thấy người sử

dụng MTTH ở Đà Nẵng có yếu tố gắn kết với gia đình nhiều hơn.

Chỉ có 29% đối tượng báo cáo hiện đang thất nghiệp, tương tự như nghiên cứu trong nhóm sử dụng MTTH tại Hà Nội với tỷ lệ 22,85%, trong khi đó báo cáo thất nghiệp lại rất cao ở nhóm đối tượng nguy cơ cao như nghiện ma túy, mại dâm và MSM có sử dụng MTTH [7, 8]. Tương ứng, 85,9% đối tượng tham gia nghiên cứu này tự báo cáo thu nhập để chi tiêu cá nhân trong tháng ở mức từ 2 triệu đồng trở lên, đây là một trong những điều kiện thuận lợi về kinh tế để đối tượng có được MTTH một khi MTTH sẵn có và có thể tiếp cận được ở thị trường. Việc sử dụng MTTH phần lớn cho mục đích giải trí và liên quan đến những thanh niên từ những gia đình có thu nhập từ trung bình trở lên [7, 8]. Trong nghiên cứu này cũng tìm thấy 4 học sinh, sinh viên (chiếm 1,4%) báo cáo có sử dụng MTTH trong vòng 3 tháng qua. Học sinh, sinh viên báo cáo đã từng sử dụng các loại MTTH cũng được ghi nhận, dao động từ 1% đến 1,6% trong học sinh và 0,4 đến 0,9% trong sinh viên [7, 8].

Có đến một nửa (50,5%) đối tượng sử dụng MTTH trong nghiên cứu này không đến các tụ điểm bar, vũ trường trong 3 tháng qua, trong khi đó phần lớn cho rằng MTTH ở Việt Nam được sử dụng với mục đích giải trí tại các quán bar, câu lạc bộ đêm [7, 8].

4.2 Hiểu biết, thái độ và thực trạng sử dụng các loại MTTH

Đa số đối tượng nghiên cứu báo cáo biết về hàng đá (95,6%) và thuốc lắc (88,7%) trong khi đó chỉ có khoảng một nửa biết đến hồng phiến (57,8%) và ketamin (47,1%) (Bảng 2). Kết quả này là tương tự như kết quả khảo sát của UNODC năm 2010 [7, 8], với tỷ lệ báo cáo biết về hồng phiến hay ma túy viên là khá thấp so với báo cáo biết về hàng đá, thuốc lắc. Tuy nhiên, nghiên cứu này cho thấy, tỷ lệ đối tượng sử dụng MTTH ở Đà Nẵng nghe nói về các loại MTTH cao hơn so với nghiên cứu năm 2010, trong đó báo cáo về hàng đá đảo ngược cao hơn thuốc lắc.

Mặc dù phần lớn đối tượng nghiên cứu nghe nói và trải nghiệm sử dụng ma túy đá và thuốc lắc

nhưng tỷ lệ hiểu biết đúng về đặc điểm và những thay đổi tâm sinh lý do sử dụng MTTH lại thấp: chỉ có 57% hiểu biết đúng về hàng đá và 36,5% đối với thuốc lắc và 16,7% - 17,4% hiểu biết đúng về hồng phiến và ketamin. Tương tự, hiểu biết đúng về những nguy cơ và tác hại của MTTH cũng được báo cáo với tỷ lệ dưới 50%. Trong nghiên cứu của UNODC, nhìn chung nhóm có hành vi nguy cơ cao có sử dụng ATS hiểu biết về ảnh hưởng tâm sinh lý của ATS đối với người sử dụng tốt hơn học sinh, sinh viên [7, 8].

Đánh giá về thái độ của đối tượng nghiên cứu về sử dụng MTTH cho thấy, đối tượng đặc biệt quan tâm nhiều đến các vấn đề pháp lý liên quan đến MTTH, đặc điểm này có thể do người sử dụng MTTH biết về các trường hợp bị cơ quan chức năng bắt giữ do liên quan đến ma túy [8]. Tuy nhiên, đã có ít nhất 23,2% cho rằng không có khả năng bị nghiện khi sử dụng các loại MTTH trong nghiên cứu này (Bảng 3). Đây cũng có thể là nguyên nhân khi mà có từ 23,8% đến 34,6% đối tượng đã nghe nói về MTTH cho rằng không phải cai nghiện khi sử dụng MTTH, trong đó các loại MTTH ít cho là cần cai nghiện lần lượt là thuốc lắc (34,6%), hồng phiến (32,2%), ketamin (28,7%), và đá (23,8%). Tương ứng khi hỏi lý do khi cho rằng không phải cai nghiện MTTH, đã có 53,3% - 56,7% cho rằng bản thân không bị nghiện và 31,3% - 40,0% không cần. Điểm đáng lo ngại này đã được đề cập trong nghiên cứu định tính của UNODC khi các đối tượng nguy cơ cao có sử dụng MTTH cho rằng không cần có các biện pháp can thiệp dự phòng sử dụng MTTH [7, 8]. Thông tin nêu tại Bảng 4 cũng cho thấy những đối tượng cho rằng sử dụng MTTH có hại thì lại báo cáo sử dụng cao hơn có ý nghĩa thống kê. Điều này có thể do niềm tin của đối tượng về việc sử dụng MTTH không gây nghiện; hơn nữa, còn có thể do người sử dụng MTTH trong nghiên cứu này có được thông tin hoặc được trải nghiệm về MTTH nhiều hơn người không sử dụng và mức độ sử dụng MTTH chủ yếu là vài lần trong 3 tháng.

Tương tự về tỷ lệ báo cáo hiểu biết về các loại MTTH, báo cáo từng sử dụng MTTH cao nhất là hàng đá (89,8%), tiếp theo là thuốc lắc (77,6%), hồng phiến (22,9%) và ketamin (21,2%) (Bảng

5). Đặc điểm này cũng phản ánh xu hướng gia tăng buôn bán và sử dụng ma túy đá tại khu vực Châu Á- Thái Bình Dương [11] cũng như sự thay đổi MTTH tại Việt Nam, trong đó ma túy đá tăng đáng kể và từ sau năm 2010 các vụ liên quan đến methamphetamin dạng tinh thể chiếm 75% tổng số vụ liên quan đến methamphetamin [4, 12].

Tình trạng sử dụng “đa ma túy” như rượu, cần sa, các chất kích thần (ecstasy) khác là rất phổ biến trong những người sử dụng MTTH [4, 10] và cảnh báo đa nguy cơ về lây nhiễm HIV. Trong khi rượu được báo cáo sử dụng nhiều nhất với thuốc lắc thì heroin lại thường đi kèm với hồng phiến và hàng đá, ketamin ít sử dụng kết hợp với các chất khác; và việc sử dụng rượu kết hợp với thuốc lắc phù hợp với việc sử dụng MTTH nhất là thuốc lắc ở quán bar/vũ trường (84,6%). Báo cáo sử dụng các loại MTTH bằng đường tiêm chích thấp, trong đó cao nhất là hồng phiến (7,5%), tiếp đến là ketamin (3,2%) và dưới 1% đối với hàng đá và thuốc lắc. Đặc điểm này phù hợp với nghiên cứu của Ms Huệ trong nghiên cứu tình hình sử dụng cùng lúc nhiều loại chất gây nghiện ở đối tượng tiêm chích ma túy tại thành phố Hồ Chí Minh trong đó tỷ lệ sử dụng ma túy tổng hợp bằng đường tiêm chích rất thấp [2, 7]. Ở đây, việc kết hợp sử dụng hồng phiến và heroin là phổ biến hơn cả và việc sử dụng hồng phiến dạng tiêm chích cũng báo cáo nhiều nhất. Nghiên cứu của Vũ thị Thu Nga năm 2011 cũng cho thấy hồng phiến sử dụng nhiều nhất ở nhóm nam sử dụng heroin (28,78%) [9, 10]. Tuy nhiên, do số lượng đối tượng báo cáo sử dụng hồng phiến thấp nên không phân tích được mối liên quan giữa sử dụng hồng phiến và tiêm chích ma túy.

Khác với tần suất sử dụng heroin [1, 5], đối tượng nghiên cứu báo cáo sử dụng các loại MTTH với tần suất ít hơn, chủ yếu là vài lần trong 3 tháng, dao động từ 43,5% đến 62,4% tùy từng loại MTTH và nhiều nhất là với hàng đá. Tần suất này cũng thấp hơn tần suất sử dụng phổ biến trong các nhóm nguy cơ cao có sử dụng MTTH là vài lần trong 1 tháng [7, 8]. Điều này cho thấy sử dụng MTTH trong nghiên cứu này chủ yếu là để giải trí hơn là sử dụng lệ thuộc.

Báo cáo nơi sử dụng MTTH trong 3 tháng gần

đây là khác nhau, tùy thuộc loại MTTH. Trong khi hàng đá, hồng phiến, ketamin chủ yếu được đối tượng nghiên cứu lựa chọn sử dụng tại các địa điểm mang tính riêng tư như nhà riêng, nhà bạn bè hay nhà nghỉ, khách sạn, vì phần lớn nhóm này có nhu cầu thường tìm những nơi yên tĩnh sau khi sử dụng; còn thuốc lắc phần lớn được sử dụng ở bar, vũ trường và đây cũng là nơi nhóm sử dụng thuốc lắc lựa chọn đến sau khi dùng thuốc. Khác với kết quả khảo sát của UNODC trên các nhóm nguy cơ cao có sử dụng MTTH, quan hệ tình dục sau khi sử dụng MTTH là hoạt động được báo cáo ít nhất trong nghiên cứu này. Điều này có thể liên quan đến khả năng đối tượng e ngại cung cấp thông tin nhạy cảm.

Bạn bè là yếu tố có ảnh hưởng đến sử dụng MTTH, vì có đến 95% đối tượng nghiên cứu báo cáo biết đến các loại MTTH này từ bạn bè, cũng như bạn bè khuyến khích sử dụng là lý do chủ yếu khiến đối tượng sử dụng các loại MTTH và có đến 88% - 97,6% báo cáo sử dụng MTTH cùng với bạn bè. Yếu tố bạn bè trong việc khuyến khích sử dụng MTTH trong nghiên cứu này cao hơn nghiên cứu của Ms Huệ tại thành phố Hồ Chí Minh trong đó lý do sử dụng MTTH do bạn bè rủ rê là 30,46% [2, 7]. Điều này cho thấy bạn bè có ảnh hưởng quan trọng trong việc sử dụng MTTH của đối tượng nghiên cứu vì thế cần đặt vấn đề giáo dục đồng đẳng trong can thiệp giảm tác hại ở nhóm đối tượng này.

V. KẾT LUẬN

Đối tượng sử dụng MTTH tại Đà Nẵng phần lớn là nam giới, có tuổi trung bình là $28,9 \pm 6,3$ tuổi; 56,3% có trình độ học vấn từ phổ thông trung học trở lên, 91,5% hiện tại đang sống với gia đình/người thân và thu nhập trung bình hàng tháng để chi tiêu cho cá nhân là 3.942.000 đồng.

Chỉ có 16,7-57% hiểu biết đúng về những tác động tâm sinh lý của các loại MTTH, dao động 11,9-44,7% có hiểu biết về tác hại của MTTH và có đến 1/3 đối tượng cho rằng không cần phải cai nghiện đối với MTTH. Ma túy đá (89,8%) và thuốc lắc (77,6%) là 2 loại MTTH được báo cáo sử dụng nhiều nhất, với tần suất sử dụng MTTH

chủ yếu ở mức một vài lần trong 3 tháng (43,5-62,4%). Đa số các loại MTTH được báo cáo sử dụng đơn độc (31,9-70,3%), tuy nhiên rượu (48,5%) thường được sử dụng cùng với thuốc lắc và có khoảng 12,9%-31,35% các loại ma túy tổng hợp được dùng chung với heroin. Có sự khác biệt giữa các loại MTTH về cách thức sử dụng, địa điểm sử dụng và hành vi sau khi sử dụng MTTH.

Kết quả nghiên cứu cho thấy cần đẩy mạnh truyền thông rộng rãi trong cộng đồng dân cư, ưu tiên can thiệp cho thanh niên và triển khai các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong nhóm đối tượng sử dụng MTTH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Quốc gia phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy mại dâm, 2010. Đánh giá hiệu quả chương trình thí điểm điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Hải phòng và thành phố Hồ Chí Minh năm 2010.
2. Ms Huệ. Tình hình sử dụng cùng lúc nhiều loại chất gây nghiện ở đối tượng tiêm chích ma túy tại thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y học thực hành, 2010, 742-743, 245-252.2
3. Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Báo cáo tổng kết công tác phòng chống ma túy năm 2014 thành phố Đà Nẵng, 2014.
4. UNODC. Pattern and Trends of Amphetamine-type Stimulants and other drugs: Asia and the Pacific. 2012. Available at: http://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/WDR2012/WDR_2012_web_small.pdf.
5. CDC. Methamphetamine use and risk for HIV/AIDS. CDC, 2007. Available at: <http://www.cdc.gov/hiv/resources/factsheets/PDF/meth.pdf>.
6. Colfax, G. et al). Amphetamine-group substances and HIV. Lancet, 2010, 376 (9739): 458-467.
7. Phạm Thị Đào. Nghiên cứu tình hình nhiễm HIV của các học viên nghiện chích ma túy tại Trung tâm giáo dục dạy nghề 05 - 06 Thành phố Đà Nẵng. Luận án tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa 2, 2009, Trường Đại học Y Dược Huế.
8. Vũ Thị Thu Nga và cộng sự. Thực trạng sử dụng ma túy tổng hợp ở một số nhóm nguy cơ cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y tế công cộng, 2011, 21: 44-49.
9. UNODC. Các chất kích thích dạng amphetamin ở Việt Nam- Một đánh giá về mức độ sẵn có, sử dụng và tác động đối với sức khỏe và an toàn xã hội tại Việt Nam, 2012.
10. Phạm Thị Đào. Khảo sát tình hình bệnh nhân điều trị

- thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2012. Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam, 2012. Số 1
11. Ủy ban Quốc gia phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy mại dâm. Báo cáo tổng kết công tác phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy mại dâm năm 2013. .
 12. UNODC. Global Synthetic Drugs Assesment - Amphetamine-type stimulants and new psychoactive substances, 2014.

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE ON SYNTHETIC SUBSTANCE OF DRUG USERS IN DANANG CITY IN 2014

Pham Thi Dao, Tran Thanh Thuy, Le Thanh Chung, Le Quang Minh
Da Nang HIV/AIDS Prevention and Control Center

A cross sectional survey was conducted on 293 synthetic drug users at Danang City in 2014 in order to evaluate their knowledge, attitude and practice of these subjects on drug use. Results showed that most of drug users at Da Nang City were male, with mean age of 28.9 ± 6.3 years; 56.3% of them graduated secondary school; 91.5% are living with their family and having average month income of VND 3,942,000. Only 16.7-57% of these drug users expressed their good knowledge on psychiatric effect of synthetic drugs. 11.9-44.7% knew the bad effect of synthetic drugs and up to 1/3 of the subjects did not think that they need to be

treated for synthetic substance addiction. Ma túy đá (89,8%) and ecstasy (77.6%) were the most used substances with the use rate of sometimes per 3 months (43.5-62.4%). Almost synthetic substance were used as single drug (31.9-70.3%), however alcohol was reported to be used in combination with ecstasy (48.5%) and about 12.9%-31.35% synthetic substance were used together with heroin. There was a significant difference in use procedure, use place and after use attitude for each substance.

Keywords: Synthetic substance, KAP, drug user, Da Nang